

QUYẾT ĐỊNH

Về công nhận thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ
thạc sĩ khóa 31 đợt 1 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủy lợi ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐT4 ngày 04/01/2022 của Hội đồng Trường Đại học Thủy lợi;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1545/QĐ- ĐHTL ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi Ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ biên bản xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ khóa 31 đợt 1 năm 2023;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 213 học viên trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 31 đợt 1 năm 2023 (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các học viên có tên trong danh sách có nhiệm vụ và quyền lợi theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh trúng tuyển hệ đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 31 đợt 1 năm 2023 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, PĐT (VT.10b).



GS.TS Trịnh Minh Thụ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
ĐẠI HỌC THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC VIÊN TRÚNG TUYỂN TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH
ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 31 ĐỢT 1 NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-ĐHTL ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Trường Đại học Thủy lợi)

TT	MHS	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
1	17425	Phùng Văn	Công	26/07/2000	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	
2	17372	Đỗ Minh	Hiếu	01/12/1997	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	
3	17357	Nguyễn Quang	Huy	27/01/1994	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	
4	17404	Tạ Quang	Huy	26/09/1996	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	
5	17331	Nguyễn Đình	Khoa	12/4/1998	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	
6	17436	Nguyễn Hữu	Linh	24/03/1984	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	
7	17402	Lê Đình	Quang	21/05/1979	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	
8	17361	Nguyễn Văn	Sang	30/07/2000	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	
9	17345	Cần Thị Thu	Thảo	3/1/2000	Nữ	Kinh	Công nghệ thông tin	
10	17502	Vũ Thị	Thu	02/4/1990	Nữ	Kinh	Công nghệ thông tin	
11	17399	Nguyễn Thanh	Tùng	25/04/2000	Nam	Kinh	Công nghệ thông tin	
12	17427	Nguyễn Hồng	Vân	01/01/1981	Nữ	Kinh	Công nghệ thông tin	
13	17368	Nguyễn Huy	Dương	17/03/1993	Nam	Kinh	Địa kỹ thuật xây dựng	
14	17500	Dương Quốc	Thành	20/4/1977	Nam	Kinh	Địa kỹ thuật xây dựng	
15	17491	Trần Văn	Trọng	5/10/1988	Nam	Kinh	Địa kỹ thuật xây dựng	
16	17384	Thạch Thọ Tuấn	Anh	26/04/1996	Nam	Kinh	Khoa học môi trường	
17	17326	Đậu Thị	Hà	25/12/1994	Nữ	Kinh	Khoa học môi trường	
18	17385	Nguyễn Thị	Hoa	24/04/1999	Nữ	Kinh	Khoa học môi trường	
19	17374	Hoàng Hàm	My	06/3/1993	Nữ	Kinh	Khoa học môi trường	
20	17335	Nguyễn Huy	Nam	20/11/1982	Nam	Kinh	Khoa học môi trường	
21	17505	Đặng Thị	Tinh	16/4/1998	Nữ	Kinh	Khoa học môi trường	
22	17415	Thiều Thị Thu	Uyên	24/11/2001	Nữ	Kinh	Khoa học môi trường	
23	17291	Đặng Quốc	Đạt	09/2/1998	Nam	Kinh	Kinh tế xây dựng	
24	17451	Hoàng Chí	Đức	13/09/1996	Nam	Kinh	Kinh tế xây dựng	
25	17396	Phạm Minh	Duy	09/7/1999	Nam	Kinh	Kinh tế xây dựng	
26	17344	Luyện Lê Diệu	Linh	21/10/1998	Nữ	Kinh	Kinh tế xây dựng	
27	17420	Đỗ Thị	Thanh	13/12/1998	Nữ	Kinh	Kinh tế xây dựng	
28	17408	Nguyễn Văn	Thao	01/6/1995	Nam	Kinh	Kinh tế xây dựng	
29	17489	Võ Thành	Trung	01/8/1992	Nam	Kinh	Kinh tế xây dựng	
30	17365	Đình Duy	Hiền	25/01/1995	Nam	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
31	17400	Trình Duy	Khánh	16/06/1996	Nam	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	

TT	MHS	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
32	17322	Phạm Minh	Tiến	17/03/1990	Nam	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
33	17432	Đặng Thị Hải	Yến	26/04/2000	Nữ	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
34	17442	Đinh Văn	Ninh	05/12/1994	Nam	Kinh	Kỹ thuật cơ khí	
35	17407	Lê Minh	Hiếu	17/12/2000	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng	
36	17405	Tạ Quang	Hoàn	17/03/1999	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng	
37	17292	Triệu Quang	Quân	18/08/1996	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình biển	
38	17387	Phạm Tùng	Dương	19/07/2000	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
39	17495	Phong Ngọc	Huy	07/12/2000	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
40	17498	Trương Minh	Lâm	26/10/2000	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
41	17497	Mai Hoài	Nam	17/7/2000	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
42	17438	Nguyễn Thế	Vinh	16/11/2000	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
43	17341	Nguyễn Trọng Tú	Anh	26/09/2000	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
44	17354	Nguyễn Tuấn	Anh	27/01/1996	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
45	17338	Doãn Đức	Công	14/4/2000	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
46	17492	Phạm Hải	Đặng	15/09/1999	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
47	17359	Nguyễn Tiến	Đạt	04/10/2000	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
48	17386	Phạm Thị Ngọc	Diệp	01/5/1999	Nữ	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
49	17332	Nguyễn Thành	Giang	9/4/1999	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
50	17346	Nguyễn Phương	Anh	29/11/1997	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
51	17444	Đinh Việt	Anh	04/12/1992	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
52	17503	Hoàng Thị	Diệp	22/02/1982	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
53	17484	Nguyễn Ánh	Dương	24/01/1996	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
54	17394	Nguyễn Đình	Giang	14/09/1998	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
55	17355	Lê Thị	Hà	23/08/1994	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
56	17486	Đào Thị Ngọc	Hà	05/8/2000	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
57	17479	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	15/03/1982	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
58	17501	Vũ Thị	Hoa	20/5/1993	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
59	17445	Nguyễn Thị	Hoài	15/05/1983	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
60	17307	Đinh Huy	Hoàng	06/11/1998	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
61	17434	Nguyễn Thị	Huế	18/05/1988	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
62	17317	Phạm Thu	Huyền	30/01/1988	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
63	17342	Ngô Thị Minh	Huyền	14/07/1984	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
64	17471	Nguyễn Xuân	Kiên	29/10/1986	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	

TT	MHS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
65	17299	Nguyễn Trọng Luân	7/1/1998	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
66	17443	Phạm Văn Luận	21/05/1982	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
67	17315	Phạm Đức Mạnh	21/04/1996	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
68	17321	Nguyễn Tiến Mạnh	20/12/1991	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
69	17401	Nguyễn Quốc Nam	18/12/2000	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
70	17295	Mai Ánh Ngọc	29/01/1996	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
71	17504	Hoàng Ánh Nguyệt	06/02/1989	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
72	17413	Nguyễn Thị Nhân	22/06/1995	Nữ	kinh	Quản lý kinh tế	
73	17330	Vũ Quang Nhật	03/02/1997	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
74	17429	Nguyễn Thị Sâm	08/5/1990	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
75	17364	Phạm Hùng Thắng	17/05/1974	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
76	17343	Nguyễn Thị Thoa	13/10/1978	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
77	17506	Nguyễn Quỳnh Thoa	10/5/1995	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
78	17339	Đỗ Thu Thủy	26/11/1987	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
79	17411	Phạm Thị Thu Trang	05/5/1993	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
80	17379	Trần Quang Trung	11/10/2000	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
81	17448	Lê Quang Trung	05/5/1983	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
82	17499	Phạm Thị Tuyết Tuyết	04/02/1990	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
83	17324	Lưu Triệu Hà Vy	25/05/2000	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
84	17350	Phan Thị Như Ý	21/09/1984	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
85	17328	Nguyễn Văn Hiền	10/7/1980	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
86	17348	Phạm Huy Hoàng	24/12/1998	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
87	17490	Chu Trung Kiên	30/11/1996	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
88	17290	Lê Doãn Nhất	01/3/1996	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
89	17309	Mai Nguyễn Minh Nhật	22/10/2000	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
90	17293	Đào Việt Phương	12/7/1999	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
91	17440	Đào Thị Mai Phương	26/08/1990	Nữ	Kinh	Quản lý xây dựng	
92	17441	Ngô Tuấn Quý	19/05/1983	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
93	17337	Phạm Hồng Sơn	05/1/1996	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
94	17428	Nguyễn Thị Phương Thảo	31/08/1994	Nữ	Kinh	Quản lý xây dựng	
95	17488	Vũ Ngọc Thế	04/01/1981	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
96	17453	Nguyễn Đức Thọ	11/8/1982	Nam	kinh	Quản lý xây dựng	
97	17423	Đỗ Thu Trà	24/08/2000	Nữ	Kinh	Quản lý xây dựng	
98	17296	Nguyễn Thị Kiều Trang	10/11/1996	Nữ	Kinh	Quản lý xây dựng	
99	17389	Trương Anh Tuấn	06/01/2000	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	

TT	MHS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
100	17446	Phạm Trọng Tuấn	7/7/1990	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
101	17297	Nguyễn Thị Ngọc Vân	12/7/1996	Nữ	Kinh	Quản lý xây dựng	
102	17301	Nguyễn Hoàng Vũ	21/08/2000	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
103	17508	Cao Thị Nhật Linh	01/10/1994	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	
104	17314	Phạm Văn Phán	22/02/1968	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	
105	17298	Nguyễn Ngọc Tú	5/12/1983	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	
106	17447	Trịnh Mạnh Hà	06/9/1987	Nam	Kinh	Thủy văn học	
107	17336	Hoàng Lan Trang Linh	28/01/2000	Nữ	Kinh	Thủy văn học	
108	17418	Đàm Như Thảo	10/8/1993	Nữ	Tày	Thủy văn học	
109	18016	Hồ Thành Đạt	24/11/1999	Nam	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
110	18093	Ngô Quốc Huy	28/07/1989	Nam	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
111	18126	Trần Thanh Kỳ	01/08/1988	Nam	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
112	18032	Phạm Hồng Minh	23/03/1975	Nam	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
113	18045	Nguyễn Võ Anh Minh	04/9/1995	Nam	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
114	18003	Vương Hồng Ngọc	11/04/1994	Nữ	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
115	18049	Lê Hồng Sơn	17/7/1994	Nam	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
116	18102	Huỳnh Quốc Tân	31/10/1995	Nam	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
117	18091	Phan Trường Tấn	06/01/1979	Nam	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
118	18022	Nguyễn Văn Thi	21/08/1980	Nam	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
119	18017	Thái Minh Thu	26/08/1999	Nữ	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
120	18070	Nguyễn Tấn Thúc	27/04/1988	Nam	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
121	18073	Võ Lê Trung	20/2/1984	Nam	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
122	18061	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	17/3/1992	Nữ	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
123	18065	Vũ Hải Yến	23/12/1999	Nữ	Kinh	Kỹ thuật cấp thoát nước	
124	18068	Nguyễn Thanh Bình	20/02/1994	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng	
125	18149	Đỗ Tiến Đạt	27/09/2000	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng	
126	18012	Nguyễn Đăng Khôi	28/10/2000	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng	
127	18059	Lê Thị Vân Anh	28/9/1990	Nữ	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
128	18081	Nguyễn Ngọc Chiến	27/03/1977	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
129	18058	Trương Huy Cường	25/9/1997	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
130	18019	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	09/08/2000	Nữ	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
131	18050	Nguyễn Công Vinh	27/10/1998	Nam	Kinh	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
132	18090	Nguyễn Ngọc Anh	26/10/1992	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
133	18037	Nguyễn Thị Mỹ Bình	27/01/1979	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
134	18132	Lê Mạnh Cường	30/07/1987	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	

TT	MHS	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
135	18147	Võ Thái	Cường	10/11/1977	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
136	18103	Phan Tấn	Đạt	11/11/1992	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
137	18146	Võ Minh	Hoàng	13/02/2000	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
138	18069	Phạm Đức	Hùng	21/12/1980	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
139	18052	Lương Văn	Hung	25/12/1985	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
140	18140	Phạm Khánh	Hung	01/04/1985	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
141	18025	Phạm Thị Thu	Hương	07/12/1981	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
142	18038	Nguyễn Lê Bảo	Khánh	09/10/1988	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
143	18139	Nguyễn Trọng	Khiêm	20/06/2000	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
144	18110	Nguyễn Lâm Đăng	Khoa	28/5/1978	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
145	18141	Phạm Sĩ	Liên	01/10/1981	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
146	18009	Nguyễn Hoài	Linh	05/06/1979	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
147	18075	Nguyễn Thành	Lộc	21/11/1994	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
148	18135	Nguyễn Hồng	Nam	04/08/1980	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
149	18046	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/01/1984	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
150	18142	Phan Phong	Phú	17/06/1990	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
151	18111	Nguyễn Thị Hoài	Phương	28/8/1996	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
152	18042	Trần Thị Thanh	Tâm	07/10/1982	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
153	18028	Vũ Thị Phương	Thanh	05/08/1984	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
154	18112	Nguyễn Minh	Thành	8/6/1992	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
155	18039	Nguyễn Thị Thu	Thảo	29/09/1984	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
156	18130	Đoàn Thị Tuyết	Thảo	24/07/1988	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
157	18137	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	04/09/1992	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
158	18089	Trần Ngọc Anh	Thư	26/02/1993	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
159	18071	Hoàng Thị Xuân	Trang	25/3/1983	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
160	18088	Lê Thị Diễm	Trang	05/12/1990	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
161	18086	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	01/07/1987	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
162	18131	Đỗ Minh	Tuấn	25/9/1990	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
163	18134	Lưu Hoàng	Tuấn	10/5/1983	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
164	18024	Huỳnh Hải	Tường	02/08/2000	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
165	18030	Ngô Mạnh	Tường	10/12/1985	Nam	Kinh	Quản lý kinh tế	
166	18114	Trương Thị	Tuyền	03/11/1987	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
167	18133	Lê Võ Thúy	Vy	19/12/1996	Nữ	Kinh	Quản lý kinh tế	
168	18072	Dương Quốc	Bảo	24/4/1999	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
169	18101	Lê Thanh	Bình	18/7/1991	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	

TT	MHS	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
170	18082	Nguyễn Khắc Đạo	20/12/1991	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
171	18008	Phan Minh Đoàn	01/05/1997	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
172	18006	Nguyễn Đức Dũng	03/09/1986	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
173	18085	Nguyễn Thanh Duy	15/3/1997	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
174	18120	Trần Ngọc Hòa	8/12/1976	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
175	18033	Chu Thế Hùng	22/02/1972	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
176	18097	Trần Như Khánh	02/09/1993	Nữ	Kinh	Quản lý xây dựng	
177	18015	Nguyễn Đoàn Minh Khoa	07/10/1999	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
178	18074	Võ Thành Kinh	18/7/1988	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
179	18127	Nguyễn Văn Lai	31/05/1978	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
180	18004	Hồ Thanh Lâm	20/09/1994	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
181	18011	Nguyễn Chí Linh	12/10/1989	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
182	18064	Huỳnh Duy Linh	15/3/1985	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
183	18054	Nguyễn Ngọc Nguyên	02/05/1986	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
184	18055	Võ Tùng Nguyên	14/01/1992	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
185	18123	Bùi Hữu Nguyên	5/9/1990	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
186	18104	Nguyễn Huỳnh Hoài Nhân	27/03/1986	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
187	18035	Bùi Thanh Phong	25/11/1994	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
188	18106	Nguyễn Hữu Phùng	7/7/1978	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
189	18129	Đoàn Nhựt Quân	08/10/1990	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
190	18010	Trần Xuân Quyền	10/02/1996	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
191	18005	Bùi Đình Thắng	22/07/1980	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
192	18044	Lê Việt Thắng	11/09/1982	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
193	18117	Đinh Hải Thành	10/8/2000	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
194	18121	Lê Phi Thảo	4/6/1991	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
195	18128	Nguyễn Thanh Phước Thiện	11/08/1985	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
196	18062	Huỳnh Nhất T Thống	25/7/1999	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
197	18014	Nguyễn Thị Thúy	05/05/1995	Nữ	Kinh	Quản lý xây dựng	
198	18098	Nguyễn Thị Thanh Thúy	04/02/1983	Nữ	Kinh	Quản lý xây dựng	
199	18020	Phan Viết Tiến	10/03/1989	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
200	18124	Phan Châu Tín	19/02/1997	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
201	18048	Tôn Long Tri	12/2/1985	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
202	18000	Tô Hữu Trí	27/07/1983	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
203	18115	Nguyễn Quang Triều	16/01/1990	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
204	18095	Phùng Xuân Trung	05/03/1991	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	



TT	MHS	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành trúng tuyển	Ghi chú
205	18122	Bùi Văn	Trung	13/11/1997	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
206	18013	Phan Hữu	Tước	26/12/1976	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
207	18150	Lê Thị Ánh	Tuyết	20/11/1989	Nữ	Kinh	Quản lý xây dựng	
208	18096	Phạm Trần Hoàng	Văn	15/01/1994	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
209	18057	Phạm Quang	Vinh	19/10/1999	Nam	Kinh	Quản lý xây dựng	
210	18079	Nguyễn Thái	Đạt	14/1/1993	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	
211	18063	Bùi Tấn	Đù	23/6/1991	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	
212	18077	Bùi Kiến	Khoa	26/07/1985	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	
213	18080	Huỳnh Thị Thùy	Mỹ	13/01/1993	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	

Danh sách gồm 213 học viên./.